
Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	2.53	-0.04	0.15	0.00	3Y	1.05	0.010
1W	2.65	0.02	0.20	0.00	5Y	1.12	0.003
2W	2.63	0.01	0.25	0.00	7Y	1.55	0.003
1M	2.53	-0.05	0.33	0.00	10Y	2.23	-0.007
2M	2.53	-0.02	0.41	0.00	15Y	2.55	-0.012
3M	2.55	-0.02	0.53	0.03			
6M	2.75	0.10	0.76	0.00			
9M	2.88	0.12	1.11	0.00			
1Y	3.10	0.07	1.18	0.00			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
23-02-22	1	14	2.50	10,000	-	7,937.99	- 7,937.99	3,239.88
22-02-22	1	14	2.50	10,000	377.00	4,478.49	- 4,101.49	11,177.87
21-02-22	1	14	2.50	10,000	-	1,508.41	- 1,508.41	15,279.36

Thị trường TPCP sơ cấp

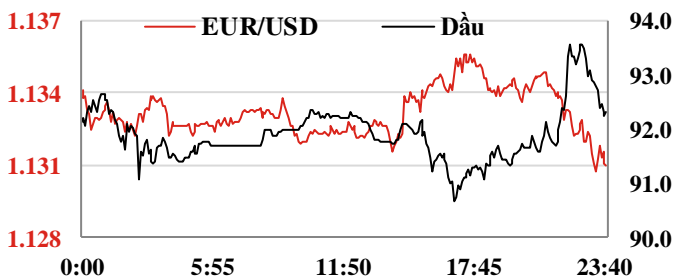
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	23-Feb-22	7	500	0	0.00%	0.00%
MOF	23-Feb-22	10	2000	6	2.12%	0.00%
MOF	23-Feb-22	15	2000	0	0.00%	0.00%
MOF	23-Feb-22	20	1000	0	0.00%	0.00%
Tổng			5500	6		

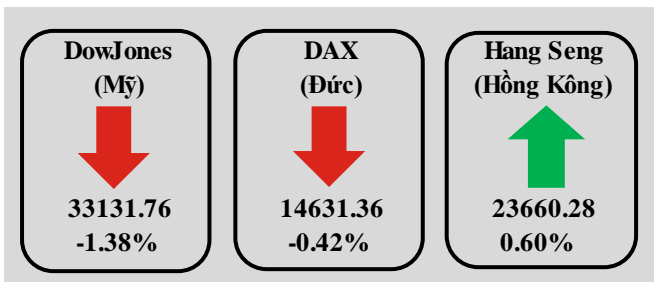
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1512.30	442.54	113.51
%/ngày	0.59%	1.87%	0.44%
%/31/12/2021	0.94%	-6.6%	0.7%
KLGD (tr.d.v)	694.65	108.67	87.7
GTGD (tỷ đ)	22394.36	3212.97	1948.12
NĐINN mua (tỷ đ)	1235.28	19.82	1.43
NĐINN bán (tỷ đ)	1081.13	47.73	0.35

Tin trong nước ngày 23/02

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 23/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.130 VND/USD, không thay đổi so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.835 VND/USD, tăng 40 đồng so với phiên 22/02. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 10 đồng ở chiều mua vào trong khi giảm 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.450 VND/USD và 23.520 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 23/02, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,04 – 0,05 đpt ở các kỳ hạn ON và 1M trong khi tăng 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn 1W và 2W so với phiên trước đó, cụ thể: ON 2,53; 1W 2,65%; 2W 2,63 và 1M 2,53%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống; giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,20%; 2W 0,25%, 1M 0,33%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm ở các kỳ hạn 10Y và 15Y, cụ thể: 3Y 1,05%; 5Y 1,12%; 7Y 1,55%; 10Y 2,23%; 15Y 2,55%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu. Trong ngày có 7.937,99 tỷ đồng đảo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 7.937,99 tỷ đồng từ thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giảm xuống mức 3.239,88 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 23/02, KBNN chỉ huy động thành công 6/5.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 0,1%). Trong đó, chỉ duy nhất kỳ hạn 10 năm huy động được 6/2.000 tỷ đồng, lãi suất không đổi tại 2,12%/năm. Với các kỳ hạn 7 năm, 15 năm và 20 năm, KBNN lần lượt gọi thầu 500 tỷ đồng, 2.000 tỷ đồng và 1.000 tỷ đồng nhưng đều đấu thầu thất bại.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, nhiều cổ phiếu blue-chip tăng giá, thị trường giao dịch trong sắc xanh. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 8,83 điểm đạt 1.512,30 điểm (+0,59%); HNX-Index tăng 8,11 điểm (+1,87%) lên 442,54 điểm; UPCoM-Index tăng 0,50 điểm (+0,44%) lên 113,01 điểm. Thanh khoản thị trường giảm so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt gần 27.600 tỷ VND. Khối ngoại mua ròng hơn 127 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo dự báo của Ngân hàng Standard Chartered, kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2022. Tốc độ tăng trưởng GDP dự kiến đạt 6,7% trong năm 2022 và 7,0% trong năm 2023.** Lạm phát trong năm nay được dự báo ở mức khoảng 4%; khi kinh tế tăng trưởng mạnh, lạm phát trong năm 2023 sẽ đáng quan ngại hơn với mức trên 5%, cụ thể là 5,5%.



	23 Feb 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	96.19	0.17%	0.51%	0.23%
USD/CNY	6.31	-0.20%	-0.31%	-0.61%
USD/EUR	0.88	0.14%	0.57%	0.52%
USD/JPY	114.97	-0.10%	-0.42%	-0.10%
USD/KRW	1192.44	0.05%	-0.34%	0.38%
USD/SGD	1.35	0.09%	0.21%	-0.20%
USD/TWD	27.88	0.11%	0.20%	0.62%
USD/THB	32.26	-0.49%	0.03%	-2.92%
USD/VND Trung tâm	23130	0.00%	0.05%	-0.06%
USD/VND LNH	22835	0.18%	0.37%	0.19%
USD/VND tự do	23450	0.04%	-0.34%	0.00%
Vàng	1907.55	0.50%	2.10%	4.33%
Dầu	92.10	-0.27%	-1.67%	22.46%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR		SOFR	
	USD	₫	USD	₫	USD	₫
ON	0.0774	0.0009				
1M	0.1869	0.0110	0.3000	0.0000	0.0487	0.0000
3M	0.4976	0.0097	0.4375	0.0000	0.0493	0.0000
6M	0.8263	0.0449	0.5932	0.0000	0.0493	0.0000
1Y	1.3369	0.0483				

Số liệu SIBOR ngày 22/02/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	15/03/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	10/03/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	17/03/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/03/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/03/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

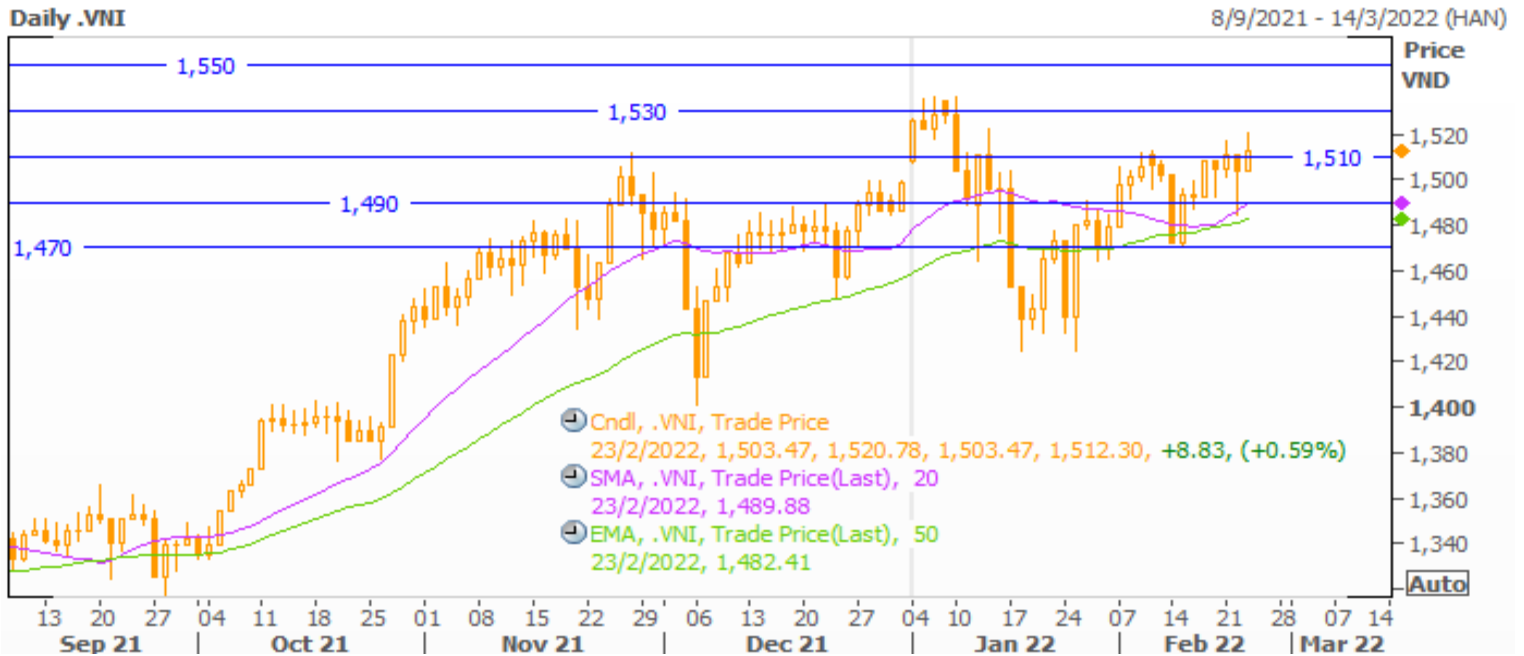
Tin quốc tế

- Eurozone ghi nhận một số thông tin kinh tế quan trọng.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu cho biết CPI toàn phần và CPI lõi của khu vực này chính thức tăng 5,1% và 2,3% y/y trong tháng 1, cùng không thay đổi so với kết quả thống kê sơ bộ. CPI toàn phần tại liên minh EU trong tháng vừa qua cũng cho thấy mức tăng 5,6% y/y. Liên quan tới kinh tế Đức nói riêng, tổ chức Growth from Knowledge (GfK) khảo sát được chỉ số niềm tin tiêu dùng tại nước này ở mức -8,1 điểm trong tháng 2, giảm từ mức -6,7 điểm của tháng trước và trái với kỳ vọng cải thiện nhẹ lên mức -6,2 điểm. Đây là mức niềm tin kinh tế thấp nhất của nước Đức kể từ tháng 5/2021.
- Úc đón một số thông tin kinh tế trái chiều.** Về tích cực, Văn phòng Thống kê Úc cho biết chỉ số tiền lương tại nước này tăng 0,7% q/q trong quý 4/2021, nối tiếp đà tăng 0,6% của quý trước đó và khớp với kỳ vọng. Đây là mức tăng theo quý lớn nhất kể từ đầu năm 2014 cho tới nay. So cùng kỳ năm 2021, chỉ số lương của nước Úc tăng 2,3%. Tiếp theo, về tiêu cực, giá trị công trình xây dựng đã hoàn thành trong quý 4/2021 tại Úc giảm 0,4% q/q; nối tiếp đà giảm 1,2% ở quý trước đó và trái với kỳ vọng tăng mạnh 2,6%. So với cùng kỳ năm 2020, mức độ hoàn thành xây dựng trong quý 4 vẫn tăng 4,2%. Nguyên nhân chính do Úc chính thức mở cửa nền kinh tế trở lại từ cuối tháng 10, bên cạnh đó còn có kỳ nghỉ lễ Giáng sinh kéo dài ở cuối tháng 12.
- Nhật Bản công bố lệnh trừng phạt đối với Nga.** Tiếp bước Mỹ và EU, Nhật Bản ngày hôm qua 23/02 đã công bố các lệnh trừng phạt đối với Nga khi Moscow công nhận độc lập của Donetsk và Lugansk, đe dọa tới hòa bình trên lãnh thổ Ukraine. Các lệnh trừng phạt mà Nhật Bản nhắm tới bao gồm cấm việc phát hành trái phiếu Nga tại Nhật Bản, đóng băng các tài khoản ngân hàng, hạn chế nhập cảnh đối với một số nhân vật ở Nga. Thủ tướng Nhật Bản Fumio Kishida trả lời họp báo, cho biết chi tiết các lệnh trừng phạt sẽ được thảo luận thêm và được thông báo cụ thể trong vài ngày tới. Ông cũng khẳng định nguồn cung năng lượng của Nhật Bản sẽ không bị ảnh hưởng bởi động thái này.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
23-02	7:30	**	Chỉ số lương Úc qq Q4	0.7	0.7	0.6
23-02	7:30	*	Giá trị công trình xây dựng đã hoàn thành tại Úc qq Q4	-0.4	2.6	-1.2
23-02	14:00	*	Niềm tin tiêu dùng GfK Đức T2	-8.1	-6.2	-6.7
23-02	17:00	*	CPI chính thức Eurozone T1	5.1	5.1	5.1
23-02	17:00	*	CPI lõi chính thức Eurozone T10	2.3	2.3	2.3
24-02	20:30	***	GDP sơ bộ qq Q4/2021		7.0	6.9
24-02	20:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ w/e		233K	248K
24-02	22:00	*	Doanh số bán nhà mới tại Mỹ T1		800K	811K

VN-INDEX



VN-Index tăng lên mức 1512,30 điểm. VN-index đang trong xu hướng tích cực, được kỳ vọng vượt mức đỉnh lịch sử 1.535 điểm trong thời gian tới và hướng đến mốc kháng cự mới 1.565-1.595 điểm.

Nguỡng hỗ trợ: 1.490 – 1.470

Nguỡng kháng cự: 1.530 – 1.550

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn